

DƯƠNG THANH MỪNG*

SỰ HÌNH THÀNH CÁC TỔ CHỨC PHẬT HỌC TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1931 - 1951)

***Tóm tắt:** Là nơi mở đầu cho phong trào chấn hưng Phật giáo trong cả nước, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam Việt Nam bên cạnh những điểm tương đồng so với Miền Bắc và Miền Trung, còn mang những nét riêng biệt. Trong đó, sự hình thành đa dạng các tổ chức Phật học trong suốt thời kỳ chấn hưng có thể được xem là một trong những sắc thái tiêu biểu của Phật giáo Nam Bộ ở thời kỳ 1931-1951. Dựa trên việc tiếp cận và khai thác từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, bài viết đi vào phân tích và trình bày thêm về quá trình ra đời của các tổ chức Phật học trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam. Qua đó, góp thêm những tư liệu quan trọng nhằm làm phong phú hơn quá trình nghiên cứu về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20.*

Từ khóa: Chấn hưng, tổ chức, Phật giáo, Việt Nam.

1. Bối cảnh hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo tại Miền Nam Việt Nam

Đầu thế kỷ 20, cũng giống như thực trạng chung của Phật giáo trong cả nước, Phật giáo Miền Nam bộc lộ nhiều dấu hiệu khủng hoảng và suy yếu sâu sắc. Vấn đề này đã được các tăng ni, Phật tử, các nhà nghiên cứu phản ánh thông qua nhiều bài viết trên báo chí đương thời¹. Cư sĩ Khánh Vân với bài viết *Phật giáo ở nước ta vì đâu phải chịu cái hiện trạng suy đồi* đã chỉ ra rằng: “Có kẻ mượn Phật làm danh, cũng ngày đêm hai buổi công phu, thọ trì, sóc vọng,

* Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 6/12/2017; Ngày biên tập: 16/12/2017; Ngày duyệt đăng: 25/12/2017.

cũng sám hối như ai,... lại thủ dị cầu kỳ, học thêm bùa ngải, luyện roi thân, làm bạn với Thiên Linh cái, khi ông lên, lúc bà xuống, ngáp ngấn ngáp dài, thư phù niệm chú, gọi là cứu nhân độ thế, nhưng lợi dụng lòng mê muội của chư thiện tín mở rộng túi tham quơ quét cho sạch sành sanh... Cái hiện trạng như thế bảo sao Phật giáo chẳng suy đồi”². Với Tỳ kheo Thành Đạo, sự suy yếu của Phật giáo bắt nguồn từ hai nguyên nhân cơ bản là Phật giáo không phổ thông và tăng đồ thất học. Do vậy mà “có người chưa rõ giới tướng đã khai kỳ làm vị hòa thượng. Có kẻ chưa thuộc luật Sa di mà đã đã thụ làm tỳ khưu”³. Trong quá trình vận động chấn hưng, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học cũng đã chỉ ra những nguyên nhân cơ bản đã làm cho Phật giáo Việt Nam suy yếu là vì “không có Thích học đường và kinh sách đủ cho tăng đồ theo học, cũng không có Phật học tạp chí để dịch kinh chữ Hán ra chữ quốc âm cho tín đồ xem đặng hiểu đạo lý”⁴. Với Hội Lương Xuyên Phật học, Phật giáo suy đồi vì từ thời Lê đến thời Nguyễn, Nho giáo vươn lên chiếm vị trí ưu trội, còn đạo Phật tựa như một đạo phụ. Vì thế mà “Phật pháp suy đồi, tăng đồ trụy lạc, chốn tông lâm ngày nay không có cỗ phong trật tự, không nhất thống”⁵.

Đặc biệt là ở Nam Bộ, từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, do nhiều nguyên nhân về kinh tế, văn hóa, xã hội và tư tưởng đã xuất hiện một số tôn giáo mới, hoặc bắt nguồn từ Phật giáo, hoặc từ tín ngưỡng dân gian, hoặc đi ra từ Tam giáo như: Bửu Sơn Kỳ Hương do ông Đoàn Minh Huyền sáng lập năm 1849; Tứ Ân Hiếu Nghĩa do ông Ngô Lợi lập năm 1867; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn Bồng sáng lập đầu thế kỷ 20; đạo Minh sư và các nhóm Ngũ chi Minh đạo mở rộng ảnh hưởng vào đầu thế kỷ 20; đạo Cao Đài do các ông Ngô Minh Chiêu, Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc thành lập năm 1926.... Sự xuất hiện của các tôn giáo mới này đã tạo ra cho Phật giáo Việt Nam không ít thách thức trong việc khẳng định vai trò, vị thế của chính mình. Để có thể tiếp tục đứng vững và phát triển, Phật giáo Việt Nam lúc này buộc phải có sự cải tổ, điều chỉnh nhằm thích ứng với những biến đổi chung của đất nước và thời cuộc, nếu không sẽ bị lu mờ theo thời gian.

Theo tác giả Nguyễn Quốc Tuấn, mặc dù hoàn cảnh Phật giáo Nam Bộ thời kỳ này có những nét ưu việt như đã nêu trên, song vẫn có một số vị cao tăng có thực học, thực tu tìm mọi cách duy trì mạng mạch của Phật giáo, vẫn hô hào duy trì tông lâm quy chế, mỗi năm từ ngày 8 đến ngày 14/4 (âm lịch) vẫn xin phép chính quyền thực dân an cư kiết hạ. Các vị còn gửi giấy mời tới tăng già trong các tỉnh miền Tây Nam Bộ cùng nhau tu học trong ba tháng hạ để học kinh, luật, luận, để truyền giới và họ mời các giảng sư có uy tín tham gia giảng dạy. Có thể kể đến các vị cao tăng nổi tiếng tại Miền Nam lúc bấy giờ như: Hòa thượng Tâm Thông chùa Trường Thọ (Gia Định), Từ Phong chùa Giác Hải (Sài Gòn), Hoàng Nghĩa chùa Giác Viên (Chợ Lớn), Từ Văn chùa Hội Khánh (Bình Dương), Huệ Tịnh chùa Linh Tuyền (Tiền Giang), “Mẹ Nội” (tên thường gọi của người dân) chùa Phước Lâm (Sa Đéc), Thanh Kế chùa Thiên Thai (Bà Rịa), Từ Vân chùa Tân Long (Bến Tre), pháp sư Hoàng Đạo chùa Hội Linh (Bạc Liêu),... và cuối cùng phải nhắc đến Hòa thượng Khánh Hòa - người lãnh đạo phong trào chấn hưng, có nhiều hoạt động Phật sự và hoàng dương xuất sắc⁶.

Về phía thực dân Pháp, mặc dù ban đầu đã tìm cách ngăn cản, theo dõi sát sao các hoạt động Phật sự của tăng ni, Phật tử, nhưng trước những ảnh hưởng về mặt văn hóa, tinh thần và nhất là số lượng tín đồ khá đông đảo của Phật giáo, chính quyền thực dân đã ít nhiều chú ý đến tôn giáo này. Bằng chứng là sau khi bình ổn được Đông Dương, thực dân Pháp đã cho sưu tập nhiều kinh sách Phật giáo để dịch sang tiếng Pháp, cho phép thành lập Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa tại Nam Vang (25/01/1928) với mục đích là: “Lập Phật học đường tại các chùa Cao Miên và Lào để dạy học. Lập tháp Bảo Phương để giữ kinh sách nói về Phật giáo tiểu thừa. Lập cỗ tích sở để chứa đồ cỗ tích của nhà Phật. Dịch kinh sách chữ Pali sang chữ Cao Miên, chữ Lào và chữ Quốc ngữ cho nhân dân xem đặng hiểu đạo lý”⁷; thành lập Hội Nghiên cứu vùng Viễn Đông (Société d'études orientales), Hội Tri thức nhà Phật (Les Amis du Bouddhisme)...; cho phép các học giả người Pháp tại Đông Dương như Silvain, Burnouf, Chavannes,... tiếp cận và nghiên cứu về Phật giáo. Tiêu biểu là Dục sĩ Isnard đã có các công trình nghiên cứu về Phật giáo khá nổi tiếng như: *Cội nguồn trí*

tuệ và hạnh phúc của Đức Phật (La sagesse du Bouddha et la Science du Bonheur), Lược khảo các tông phái chính của Phật giáo ở Viễn Đông (Esquisse des principales sectes du Bouddhisme en Extrême - Orient), v.v...

Chính trong bối cảnh có nhiều khó khăn hơn thuận lợi ấy, các tăng ni, Phật tử Nam Bộ với bầu nhiệt huyết của mình đã cùng các nhà tri thức, những người mến mộ Phật giáo đứng ra vận động chấn hưng Phật giáo. Mặc dù ban đầu, quá trình vận động chấn hưng Phật giáo không nhận được sự đồng tình của chính quyền thuộc địa, nhưng thông qua mối liên hệ với các học giả người Pháp, Hội Tri thức nhà Phật, nhất là sức ép từ việc bình ổn nhân dân Việt Nam để cai trị và khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã buộc phải ký các nghị định cho phép các tổ chức Phật giáo được thành lập. Trong bài phát biểu chào mừng *Từ Bi Âm* ra mắt số đầu tiên, Phó Hội trưởng Trần Nguyên Chấn đã khẳng định rằng: “Nhờ liên lạc với Hội Tri thức nhà Phật nên Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học mới lập tại Sài Gòn, được quen biết các cơ sở khảo cứu Phật học bên Âu châu”⁸. Và đây cũng chính là cơ sở cho sự ra đời của các tổ chức Phật học ở Nam Bộ thời gian này.

2. Sự ra đời các tổ chức Phật học trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam Việt Nam (1931-1951)

Ngày 26/8/1931, Thống đốc Nam Kỳ là Khrautheimer đã phê chuẩn Nghị định số 2062 chính thức công nhận tính pháp lý của *Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học* (Association pour l'etude et la conservation du Bouddhisme en Cochinchine), đồng thời thông qua 19 điều lệ và 5 quy tắc⁹. Cơ cấu tổ chức ban đầu của Hội gồm: Ban Hội viên Danh dự với các thành viên như: Thống đốc Nam Kỳ - Hội trưởng Danh dự, Đốc lý thành phố Sài Gòn là Rivoal - Hội phó, bà Karpeès - Trưởng phòng Khảo cứu Phật giáo Lào và Campuchia, ông Robert - Đốc học Đông Pháp Trung Pháp học đường và bà Lê Thị Ngời; Ban Trị sự do Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm Hội trưởng, Hội phó là cụ Trần Nguyên Chấn và Hòa thượng Từ Phong; Cố vấn là Hòa thượng Huệ Quang cùng cư sĩ Nguyễn Văn Nhơn; Thủ quỹ là Phạm Ngọc Vĩnh và Thư ký Lê Văn Phở. Mục đích của Hội là: “Lo sự sùng thượng Phật giáo tại chùa Linh Sơn. Lo sự tu bổ và hành động của ngôi tháp Bảo Phương,

ngôi Duyệt kinh thất và mua kinh sách bằng chữ Langsa và chữ Hán trữ trong tháp Bảo Phương. Lo sự dịch ra chữ Quốc âm những kinh sách chữ Hán,... đặng cho người bản quốc đặng tường đạo lý. Lo lập tại chùa ấy một ngôi Thích học đường để dạy tăng đồ học đạo và lo tu bổ cách hành động ấy”¹⁰. Hội viên của Hội được chia thành hội viên danh dự, tán trợ, sáng lập và thường trợ. Đến năm 1933, nhằm tạo điều kiện cho những người mến đạo nhưng không đủ tiền đóng góp hội phí, đồng thời nhằm có đủ kinh phí cho quá trình vận hành, Hội đã đệ trình và được Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn Nghị định số 372 cho phép kết nạp thêm một hạng hội viên mới là thường hội¹¹. Ngày 31/4/1931, Tạp chí *Từ Bi Âm* được Toàn quyền Đông Pháp cấp giấy phép hoạt động, số ra đầu tiên vào ngày 01/01/1932 và đình bản vào năm 1945 (tờ báo này do Phạm Ngọc Vĩnh xin giấy phép sau đó giao lại cho Hội). Chủ nhiệm tòa soạn là Hòa thượng Khánh Hòa, chủ bút là Hòa thượng Bích Liên, phó chủ bút là Hòa thượng Liên Tôn. Tòa soạn đặt tại chùa Linh Sơn, 149 đường Douaumont (nay là đường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Mục đích của *Từ Bi Âm* là “đem đạo lý của nhà Phật bày giải ra bằng chữ Quốc văn để hầu phổ thông cho khắp mọi người được hiểu rõ”¹². Sự ra đời của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học đã chính thức mở đầu cho quá trình chấn hưng Phật giáo tại Việt Nam. Đây chính là một trong những bước ngoặt quan trọng của Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn này.

Tiếp đến, ngày 18/3/1932, Thống đốc Nam Kỳ đã phê chuẩn nghị định cho phép thành lập *Hội Phật giáo Liên hữu* tại chùa Bình An - Long Xuyên (Association muluelle des Bouddistes de la pronince de Long Xuyen). Theo tác giả Nguyễn Lang trong công trình *Việt Nam Phật giáo Sử luận* thì sau khi ra đời, tổ chức này không xin được giấy phép ấn hành báo chí cũng như chưa xây dựng được chi nhánh của mình đến các địa phương thì buộc phải giải thể.

Năm 1933, do không tán thành với chủ trương của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học nên Hòa thượng Khánh Hòa đã cùng với các chư vị Huệ Quang, Khánh An, Pháp Hải, Viên Giác,... đứng ra thành lập *Liên đoàn Học xã* tại chùa Viên Giác (Bến Tre). Mục đích chính là đào tạo tăng tài theo hình thức cứ mỗi chùa sẽ hỗ trợ chi phí trong vòng 3

tháng liên tiếp cho các buổi thuyết pháp và dạy học. Chương trình được bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 6 tại chùa Long Hòa (Vĩnh Long), tiếp theo là chùa Thiên Phước (Trà Vinh) và cuối cùng là chùa Viên Giác (Bến Tre) thì tan rã bởi khó khăn về tài chính và sự cản trở của một số cá nhân đương thời. Theo các nhà sáng lập Liên đoàn Học xã, nguyên nhân chính là do ông Trần Nguyên Chân - Phó Hội trưởng Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học không tán thành cách thức hoạt động của hội nên đã có đơn gửi chính quyền đương thời. Mặc dù thực dân Pháp vẫn cho phép tiếp tục hoạt động nhưng các chùa đã tham gia ký tên tán thành trước đây đều từ chối vì cho rằng: “Tôn của lo Phật sự mà bị ông Chân đầu cáo này nọ,... thành thử nửa chừng phải giải tán”¹³.

Ngày 11/6/1934, Thống đốc Nam Kỳ tiếp tục phê chuẩn bản Nghị định số 2335 cho phép thành lập *Hội Phật giáo Tương Tế*¹⁴. Tuy nhiên, do khó khăn về mặt tài chính nên mãi đến năm 1936, hội mới chính thức đi vào hoạt động bằng việc thành lập Phật học trường và xuất bản tạp chí. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Thiên Phước - Sóc Trăng, Hòa thượng Lê Phước Chí làm Hội trưởng, Hòa thượng Thích Từ Phong được suy tôn làm Tông lâm Pháp chủ, Hòa thượng Nguyễn Chánh Tâm làm Chứng minh đạo sư. Hội trưởng danh dự là M. J. Parisot - Chủ tịch tỉnh Sóc Trăng, Hội phó danh dự là Phan Văn Chương - Chủ quận Kế Sách. Mục đích của Hội là: “Nguyện đem hết cái năng lực mà tuyên truyền chủ nghĩa của Phật giáo, cho xứng với thời cơ, được hiệp với chân lý, cho chư quý vị thiện tín rõ được cái lý thuyết trong Tam tạng giáo hải của Phật tổ di truyền hầu một ngày kia đăng chứng được chỗ nhứt chơn pháp giới”¹⁵. Đầu năm 1936, Hội được Toàn quyền Đông Dương cho phép xuất bản Tạp chí *Bồ Đề*, số ra đầu tiên vào ngày 15/8/1936, tòa soạn đặt tại chùa Thiên Phước. Chủ nhiệm tòa soạn là Lê Phước Chí, Quản lý là Trần Phong Ngàn. Mục đích ra đời của Tạp chí là “cốt để phổ thông chính giáo và bảo tồn trường Phật học”¹⁶.

Sau sự tan rã của Liên đoàn học xã, Hòa thượng Khánh Hòa đã đứng ra vận động các tăng ni, Phật tử cùng chung chí hướng chân hưng thành lập một tổ chức Phật giáo ở Trà Vinh. Kết quả là ngày 13/8/1934, *Hội Lương Xuyên Phật học* (Association Bouddhique

Luong - Xuyen - Phat - hoc) được Thống đốc Nam Kỳ là Pagès phê chuẩn thành lập theo Nghị định số 2286, tại chùa Long Phước, Trà Vinh. Mục đích của Hội là: “Một mặt lo đào tạo nhân tài để trùng hưng Phật pháp, về phương diện hoằng pháp lợi sinh một mặt đồng tu tập cho tinh tấn đoàn thể tăng già và nghiên cứu nghĩa lý màu nhiệm trong kinh tạng, phô diễn ra chữ Quốc âm để làm món tâm dục mà cống hiến cho nhân sinh”¹⁷. Về cơ cấu tổ chức: Ban Quản lý gồm Hội trưởng là Lê Văn Xuyén (pháp danh An Lạc), Hội phó là Phạm Văn Liêu, Thủ quỹ là Thái Phước, Thư ký là Phạm Văn Luông, Pháp sư học đường là Võ Khánh An, Đốc học sư là Lê Khánh Hòa, một hay nhiều Giáo thọ (tiêu biểu Nguyễn Văn An), 2 Kiểm soát là Nguyễn Văn Khỏe, Sơn Sau¹⁸. Ban Chi huy gồm Chánh Tổng lý là Nguyễn Huệ Quang, phó Tổng lý Lê Diệu Pháp và Cố vấn trông nom, xem xét công việc hành chính của hội là Lê Tâm Quang. Ban Danh dự gồm Hội trưởng là ông Robert Dufour - Chủ tịch hạt Trà Vinh; Hội phó danh dự, và các hạng hội viên như: sáng lập, trường trợ, thi ân, tán trợ. Hòa thượng Từ Phong chùa Giác Hải (Chợ Lớn) được mời làm Chứng minh Đạo sư. Năm 1936, Hội được thành lập thêm một ban mới là Ban Giáo dục do Hòa thượng Từ Phong làm Đại đạo sư và Lê Khánh Hòa làm Đại pháp sư. Điều lệ của Hội được xây dựng dựa trên 17 điều khoản quy định về tên gọi, vai trò, vị trí của hội; xác định tài sản, cách thức nhập hội, xin rời khỏi hội hoặc bị trục xuất; cách thức và thời gian đại hội (tháng Giêng và tháng Bảy), cách giải tán hội. Bản quy tắc được xây dựng thành 5 chương với 19 điều khoản. Nội dung chủ yếu là xác định các công việc chung của hội, như: vị trí chùa hội quán, tôn chỉ của hội (điều 1-2), cách nhập hội là từ 21 tuổi trở lên và phải được 2 hội viên trong hội giới thiệu (điều 3), bổn phận và trách nhiệm của các bên tham gia (điều 6)¹⁹. Đến ngày 5/7/1935, Toàn quyền Đông Dương là René Robin ký Nghị định số N604-S cho phép xuất bản Tạp chí *Duy tâm Phật học* mỗi tháng ra 4 kỳ, số đầu tiên được ấn hành vào ngày 1/10/1935²⁰ và đình bản vào ngày 6/7/1943 ở số kép 53-54. Mục đích ra đời của Tạp chí là nhằm: “Đem giáo lý cao thượng của Phật đà mà bày tỏ cho những người học Phật biết được cái mục đích học Phật của mình... Để cứu rỗi cái đời đảo điên thống khổ, cái tri thức lu mờ, sửa

đổi hết thảy những phong tục xấu xa, kiêu chảnh các điều thành kiến dở dang của xã hội, mưu sao cho nhân loại yên vui, cõi đời bình tĩnh, từ chốn quê mùa đến nơi khai hóa được biết đến giáo lý huyền diệu cao siêu của Phật pháp”²¹.

Ngày 19/10/1934, *Hội Thiên Thai thiên Giáo tông, Liên hữu* được chính quyền thuộc địa cho phép thành lập tại Bà Rịa. Hòa thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai được bầu làm Chứng minh Đạo sư, Đốc phủ Gò Công là Nguyễn Văn Hải giữ chức Hội trưởng Danh dự. Ban Trị sự của Hội gồm 11 người với các chức vụ như sau: Phạm Hữu Đức giữ chức Hội trưởng, Hội phó là Thái Văn Chánh và Bùi Sơn Tây, Thủ quỹ Đỗ Phước Tâm, Thư ký Đặng Tấn Chúc, Cố vấn Trương Văn Tý, Trần Văn Liêng, Phùng Văn Phương. Mục đích của Hội là: “Làm cho các hội viên học kinh, luật, luận đạo Phật bởi nhờ lập kho sách học Phật, lập trường dạy học và diễn thuyết có kỳ thời. Cứu giúp những người cùng khổ tùy theo sức của hội. Tế trợ những người trong hội trong các cuộc hoan hôn tang tế”²². Ngoài ra, Hội còn đưa ra quy định như không được bàn định chuyện quốc sự, về các tôn giáo khác hoặc những việc không đúng với mục đích của hội. Hội viên của Hội bao gồm: danh dự, ân nghĩa, sáng tạo và thường trợ. Ngày 30/12/1935, Tạp chí *Bát Nhã Âm* được Toàn quyền Đông Dương cấp giấy phép xuất bản và số đầu tiên phát hành vào ngày 15/3/1936. Sau khi ấn hành được 3 số thì tháng 5 năm 1936 Tạp chí bị chững lại. Từ năm 1937 đến 1943, mỗi năm Hội có xuất bản thêm một vài số và sau đó thì đình bản hoàn toàn. Tòa soạn đặt tại chùa Thiên Bửu, Chủ nhiệm là Hòa thượng Minh Chánh (Đỗ Phước Tâm).

Ngày 9/11/1932, Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học được Đốc lý Khâm sứ Legros cho phép thành lập chi hội tại Nam Vang theo Nghị định số 307, Hòa thượng Nguyễn Phát Phước là Chi Hội trưởng và trụ sở đóng tại chùa Kim Chương²³. Sự ra đời của chi nhánh này là tiền đề để năm 1934, *Hội Phật học Cao Miên* được thành lập tại chùa Thanh Quang - Pnompenh, do ông Trần Văn Phép làm Hội trưởng, Khâm sứ Silvestre và Richard làm Hội trưởng danh dự. Mục đích của Hội là “học hỏi cho biết rồi do sự hiểu biết theo sức lại nhờ các bậc đại đức giúp đỡ mà diễn dịch lần hồi hăng ước ao cho ánh sáng của Phật pháp

chói rọi khắp thế gian”²⁴. Ngày 23/9/1937, Toàn quyền Đông Dương đã ký nghị định cho phép xuất bản Tạp chí *Ánh sáng Phật pháp*, tòa soạn đặt tại Sùng Phước Tự, quản lý là Đinh Văn Khương, số đầu tiên ra mắt vào ngày 01/01/1938. Tôn chỉ của *Ánh sáng Phật pháp* là nhằm đề chỉ hướng theo gương từ bi, hỷ xả của Đức Phật, độ người bất phân tôn ti thượng hạ, không chia giai cấp xã hội, không bênh mình bỏ người, cũng chẳng nói bôn ban hay ngoại quốc, chỉ biết chúng sinh là quyến thuộc để mong cầu độ tận là được thỏa mãn. Mục đích là “đem cái giáo lý của đấng Chí tôn mà phơi bày cho các nhà học Phật, xướng minh cái chính pháp để cải chính những chỗ sai lầm, chỉ mong nhân loại quần sinh mau khỏi khổ,... từ chốn thôn quê đến miền thị tứ cho được thấu lý vô thường pháp màu của Phật”²⁵.

Cũng trong năm 1934, *Hội Tịnh độ Cư sĩ* thành lập tại chùa Hưng Long (Sài Gòn). Đúng như tên gọi của nó, tổ chức này do thành phần cư sĩ giữ vai trò làm nòng cốt và suy tôn Hòa thượng là Minh Trí làm Tông sư. Hội Tịnh độ Cư sĩ chủ trương Phật giáo nhập thế, phước huệ song tu, sử dụng y thuật làm phương tiện cứu nhân độ thế, do đó, mọi tín đồ đều cần phải biết về Đông y và cách sử dụng thuốc nam. Tháng 01/1937, tờ *Pháp âm Phật học* đã xin được giấy phép ấn hành. Tuy nhiên, do khó khăn về tài chính và thiếu độc giả ủng hộ nên đã bị đình bản vào tháng 9/1938, phát hành được 16 số. Trong những số đầu tiên, *Pháp âm Phật học* đã nêu cao tinh thần chấn hưng Phật giáo và lên án chiến tranh đã gieo rắc đau thương cho con người. Tuy nhiên, do đồng quan điểm với Tạp chí Tiến hóa là “phải hủy bỏ hình thức đầu tròn áo vuông của tăng sĩ, thiết lập tân tăng như Nhật Bản, tham gia vào cách mạng xã hội”²⁶ nên đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của đông đảo tăng ni, Phật tử đương thời. Và đây cũng chính là một trong những nguyên do khiến Hội Tịnh độ Cư sĩ tan rã.

Hội Phước thiện nhà Phật được thành lập vào ngày 22/3/1935, theo Nghị định số 1356 của Thống Đốc Nam Kỳ. Đến ngày 2/6/1935, Hội làm lễ Khai mạc và đi vào hoạt động. Hội trưởng là Hòa thượng Nguyễn Kim Môn, trụ sở chính của Hội đặt tại chùa Long Vân (Sài Gòn). Hội lấy việc bố thí cho những người nghèo đói làm tôn chỉ và mục đích hoạt động²⁷.

Ngày 19/7/1935, *Hội Thiên Thai Thiền giáo tông* được Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn Nghị định số 2466 cho phép thành lập²⁸. Hòa thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai được bầu làm Đại Chứng minh, Hòa thượng Pháp Hỷ chùa Bửu Sơn, Minh Chiêu chùa Long Quang và Pháp Trí chùa Phước Lập được bầu làm Chứng minh. Chiếu theo điều lệ thứ 10 của Hội, Ban Trị sự gồm: Phạm Hữu Đức - Giám đốc học hồi hưu giữ chức Hội trưởng; Thái Văn Chánh - Ngũ đẳng Bắc đầu bội tinh làm Phó Hội trưởng thứ nhất và Bùi Sơn Tây giữ chức Phó Hội trưởng thứ hai; Thư ký là Phan Văn Sô - Chánh quản hồi hưu và Phó Thư ký Lê Văn Huệ; Cố vấn Nguyễn Văn Dũng, Trần Văn Tý, Trần Văn Liên, Nguyễn Văn Nguru. Năm 1935, Hội được phép xuất bản Tạp chí *Niết Bàn*. Mục đích của Hội là: “Lập Thích học đường; Tạo pháp bửu tạng; Vân tập các Thích tử tu học; Rước thầy giảng kinh Phật và dạy sách Nho; Mỗi kỳ thuyết pháp và ban bố cho hội viên; Cắt nhà cô độc nuôi những kẻ côi quạnh bệnh già”²⁹.

Theo công văn số 61-C của Thống đốc Nam Kỳ thì đến ngày 16/7/1935 tại Miền Nam có các tổ chức giáo hội được công nhận tính chất pháp lý là: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học đăng ký tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội tại chùa Hưng Long, Chợ Lớn; Lương Xuyên Phật học Hội tại chùa Long Phước, Trà Vinh; Long Xuyên Phật giáo Liên hữu Hội tại chùa Bình An Tự, Long Xuyên; Hội Phật học Tương Tế tại chùa Thiên Phước, Sóc Trăng; Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu Hội tại chùa Phước An, Bà Rịa...³⁰.

Thành lập muộn nhất tại Miền Nam là *Hội Phật học Kiêm Tế* (Association Bouddhique et de Bienfaisance de Rachgia) được Thống đốc Nam Kỳ là Pagès phê chuẩn thành lập theo Nghị định số 1068, ngày 23/3/1937, kèm theo 24 điều lệ và 37 điều quy tắc tại chùa Tam Bảo - Rạch Giá. Mục đích của Hội là “cốt để tuyên truyền Phật pháp và bố thí áo com, sách vở, thuốc thang cho trẻ cô bản”³¹. Về cơ cấu tổ chức của Hội được chia làm hai ban. Ban Chỉ huy gồm: 1 Chánh Tổng lý, 1 Phó Tổng lý, 1 Pháp sư (3 người này phải là người trong sa môn); 2 Giảng sư, 2 Giáo sư, 1 Thư ký, 1 Kiểm soát viên, 1 Cố vấn viên (có thể là cư sĩ hoặc là sa môn). Ban Trị sự của Hội gồm: Hội

trưởng Đỗ Kiệt Triệu từng là Đốc phủ sứ, Hội phó là Tôn Quang Huy, Trần Duy Thơ; Thư ký là Nguyễn Đăng Huệ và phó Nguyễn Văn Lưu; Thủ quỹ Huỳnh Văn Yên và phó là Tôn Quang Ngọc; Kiểm soát viên là Lâm Võ Dụ và Nguyễn Ngọc Thái; Cố vấn Nguyễn Hữu Thành, Nguyễn Ân Linh, Lâm Thành Mão, Huỳnh Văn Cường. Hội viên của hội được chia làm: 1 Chánh Hội trưởng danh dự giao cho quan Chủ tịch tỉnh, nhiều Hội phó danh dự cùng các hội viên danh dự, sáng lập, tán trợ và thường trợ. Đầu năm 1938, Tạp chí *Tiến hóa* - cơ quan ngôn luận của Hội cũng được cấp giấy phép hoạt động và cho ra mắt số đầu tiên. Chủ bút là Phan Thanh Hà, Chủ nhiệm tòa soạn là Đỗ Kiệt Triệu, Thiền sư Thiện Chiếu làm cố vấn. Mục đích ra đời của *Tiến hóa* là để tuyên bố cho độc giả biết rằng tờ báo không những đã đang và sẽ *tuyên truyền* cho nền giáo lý Phật học mà còn *tuyên truyền* cho bất cứ học thuyết nào có đủ phương pháp làm chúng sinh hết khổ được vui. Theo *Tiến hóa*, những học thuyết nào có tính cách từ bi, lợi lạc thì đều được *Tiến hóa* công nhận là *Phật pháp*. Đến năm 1941, các nhân vật chủ chốt của Hội, như: “Hòa thượng Thích Trí Thiên, Thành Đạo, một số cư sĩ trong Ban biên tập và cây bút chủ lực là sư Thiện Chiếu bị bắt và cầm tù vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ nên Hội Phật học Kiêm Tế bị tan rã”³² và Tạp chí *Tiến hóa* cũng do vậy mà bị đình bản.

Bước vào những năm 40, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến chuyển đã tác động mạnh mẽ đến diễn tiến phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Nam lúc này. Đó là sự bùng nổ của Chiến tranh Thế giới thứ II đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của nhiều quốc gia dân tộc; Sự thay đổi trong các chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương; Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc bước vào thời kỳ căng thẳng và quyết liệt; Nhiều tăng ni, Phật tử đã tình nguyện đi theo lời hiệu triệu thiêng liêng của Tổ quốc để bảo vệ nền độc lập, tự do cho đất nước; Nhiều nguồn viện trợ trước đây cho các chùa hầu như bị cắt giảm.... Nhìn chung, hoạt động chấn hưng Phật giáo trong giai đoạn này đều chững lại và nhường chỗ cho hoạt động cứu nước thông qua hình ảnh của các tổ chức Phật giáo Cứu quốc được hình thành trên khắp cả nước. Tại Miền Nam, các tổ chức Phật giáo nói trên gần như bị tan rã hoàn toàn ở vào thời điểm năm 1945. Sau Cách mạng tháng

Tám, cùng với hoạt động kháng chiến, kiến quốc, phong trào chấn hưng Phật giáo từng bước được củng cố và đi vào hoạt động trở lại. Đặc điểm nổi trội của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam giai đoạn này là tính quy củ và sự đồng thuận cao trong hàng ngũ tăng ni, Phật tử. Nếu như trước đó, các hội đoàn Phật giáo hầu như đều hoạt động một cách độc lập theo những đường hướng do tổ chức mình xây dựng thì đến giai đoạn này, tăng ni, Phật tử đã gạt bỏ các thành kiến để xích lại gần nhau và cùng nhau thực hiện ý nguyện thống nhất Phật giáo.

Ngày 19/9/1950, *Hội Phật học Nam Việt* được phép thành lập trên cơ sở Quyết định số 2.134-cab/DAA của Thủ hiến Nam Việt là ông Trần Văn Hữu. Trụ sở của Hội được đặt tại chùa Khánh Hưng, Sài Gòn. Tuy nhiên, đến ngày 25/02/1951, Hội mới chính thức làm lễ thành lập và bầu ra cơ cấu tổ chức như sau: Ban Chứng minh gồm Hòa thượng Liễu Thoàn, Hưng Long, Giác Ngộ. Hội trưởng Quảng Minh (trước khi đại hội là Nguyễn Văn Khỏe), Phó Hội trưởng thứ nhất Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe và thứ nhì là Nguyễn Văn Thọ; Thư ký Mai Thọ Truyền; Thủ quỹ Phạm Văn Vi, Cố vấn Nhật Liên, Thích Đăng. Mục đích của Hội là “đoàn kết các Phật tử xuất gia và tại gia dùng mọi phương tiện để truyền bá và thực hành Phật pháp về mặt giáo lý cũng như từ thiện”³³. Tôn chỉ của Hội là “Khảo cứu và làm sáng tỏ học thuyết của Phật Đà và đồng thời áp dụng cái học thuyết ấy trong đời sống hàng ngày của hội viên”³⁴. Ngày 13/5/1951, Hội chính thức cho ấn hành Tạp chí *Từ Quang*, Chủ nhiệm tòa soạn là Hòa thượng Thiện Minh, Trưởng ban Biên tập là Hòa thượng Trí Nghiêm, Phó Trưởng ban và kiêm thư ký là Nhật Liên, Quản lý Phạm Văn Vi. Có thể nói rằng, Hội Phật học Nam Việt là sự tiếp nối tinh thần của Hội Lương Xuyên Phật học và trong đó, Hòa thượng Khánh Hòa được xem là nhân vật đã có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ cho sự hưng khởi của Phật giáo Nam Bộ trong giai đoạn này. *Hòa thượng là một điểm son rực rỡ trong quyển Lịch sử chấn hưng Phật học Nam Việt. Di tượng của sư cụ là một sức mạnh giúp hội chúng ta lướt qua những trở ngại gay go để hoàn toàn tôn chỉ mục đích của hội... Hội chúng tôi thờ sư cụ Hòa thượng Tuyên Linh vì sư cụ là ngôi sao sáng của Phật học, là*

một bức gương mẫu chói rọi cho những người hộ trì chánh pháp, là người tiên phong đứng ra chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong khi mọi người rất thờ ơ lãnh đạm với Phật giáo... Ngày nay, hội chúng ta được thành lập và bành trướng đến đâu là có đa số người hưởng ứng, tham gia và càng ngày càng đông đảo ấy chính là nhờ những hạt giống của sư cụ đã gieo từ trước mà chúng ta chỉ là người gặt lấy kết quả mà thôi³⁵.

Tiếp đến, ngày 05/6/1951, *Giáo hội Tăng già Nam Việt* được thành lập theo Nghị định số 1645/cab/DDA tại chùa Hưng Long, Chợ Lớn (ngày 07/8/1952, Giáo hội chính thức làm lễ thành lập). Trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, Hòa thượng Đạt Thanh được bầu làm Pháp chủ lâm thời (sau đó là Hòa thượng Huệ Quang), Đại đức Đạt Từ được bầu làm Tổng Trì sự, Thượng tọa Nhật Liên được bầu làm Tổng Thư ký. Mục đích của Hội là “đoàn kết các nhà tu sĩ hiện trú ở Nam Việt thành lập một đoàn thể duy nhất để: Phụng sự Phật pháp, bài trừ nạn thất học cho tăng ni, chỉnh lý chế độ tăng già hiện tại, sách tiến chư tăng ni nghiêm trì giới luật của Phật, thực hiện chế độ lục hòa trong tăng già”³⁶. Để thực hiện được mục đích này, *Giáo hội Tăng già Nam Việt* sử dụng các phương pháp như: Suy tôn ngôi Pháp chủ, Đặt một Ban Tổng Trì sự, Lập sở tăng tịch và cấp chứng chỉ cho chư tăng; Kiến lập Phật học trường Nam Việt; Mở các lớp huấn luyện Phật pháp cho tăng già; Tổ chức các đàn tràng đúng chính pháp cho toàn Giáo hội; Bảo tồn các tự viện và các cơ quan hành đạo; Xuất bản sách vở và báo chí về Phật pháp; Giúp đỡ và khuyến khích những tổ chức Phật giáo chân chính; Đặt đại diện Giáo hội bên cạnh những tổ chức Phật giáo chính³⁷.

Cũng từ năm 1950, nhu cầu thống nhất Phật giáo trên cả nước trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Báo chí ở Bắc - Trung - Nam đều đăng tải nhiều bài viết nói lên nguyện vọng thống nhất của Phật giáo đồ lúc này. Tại Miền Bắc, Hòa thượng Tố Liên trong một bài viết giải thích về lý do thành lập Giáo hội Tăng già Bắc Việt đã nói lên ý muốn thống nhất: “Ta phải tuân theo mục đích của Hội Phật giáo Quốc tế là thống nhất lực lượng Phật giáo, theo đà tiên triển thì phải thống nhất lực lượng từng xứ sở rồi đi đến thống nhất Phật giáo toàn quốc để gia nhập cơ quan thống nhất Phật giáo quốc tế”³⁸. Tại Miền Trung, Hòa

thượng Thích Trí Quang trong bài viết *Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc* đã nói lên ý nguyện thống nhất Phật giáo ở Miền Trung là: “Phải bước tới Phật giáo toàn quốc, thống nhất Phật giáo, đây là nguyện vọng từ lâu, nguyện vọng duy nhất của toàn thể Phật tử xuất gia cũng như Phật tử tại gia...”³⁹. Tại Miền Nam, Cư sĩ Nguyễn Văn Khỏe đã gửi thư tới Phật tử trong cả nước bày tỏ nguyện vọng thống nhất Phật giáo. Bức thư có đoạn viết: “Đề xướng việc lập hội Phật học chúng tôi còn có cái thâm ý đi đến chỗ Bắc - Trung - Nam sẽ bắt tay nhau thành một khối phát triển quảng đại và thống nhất trên nguyên tắc cũng như trong hành động”⁴⁰.

Trước yêu cầu của đông đảo tăng ni, Phật tử, từ ngày 6 đến ngày 9/5/1951, Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế. Tham dự Hội nghị có đại diện Hội Phật học Nam Việt và Sơn môn Tăng già Nam Việt, Sơn môn Tăng già Trung Việt và Hội Việt Nam Phật học, Hội Tăng ni Chính lý Bắc Việt và Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt cùng hơn 300 Phật tử tại Thừa Thiên-Huế. Hội nghị đã thông qua ba vấn đề có tính chất bước ngoặt trong lịch sử Phật giáo Việt Nam là: “Thống nhất tất cả lực lượng ý chí cùng hành động của tất cả các tập đoàn tại gia, xuất gia thành lập một tổng hội lấy tên là Hội Phật giáo Việt Nam; Cung thỉnh một Ban Đại chúng minh và bầu cử một Ban Quản trị Trung ương chỉ huy các Phật sự của Tổng hội; Quyết định gia nhập Hội Phật giáo Thế giới”⁴¹. Đồng thời, thông qua Bản Quyết nghị với 6 khoản cơ bản. Trong đó các khoản 1,4,5,6, quy định tên gọi cũng như phân định trách nhiệm và nghĩa vụ của các ban và cử phái đoàn tham dự Hội nghị Phật giáo Thế giới. Khoản 2 thành lập Ban Chứng minh gồm: Hòa thượng Mật Ứng, Huệ Tăng, Giác Nhiên, Giác Nguyên, Tuệ Chân, Đạt Thanh để chăm lo việc đạo pháp cùng các đại lễ, các sách báo của Tổng hội. Khoản 3, bầu ra Ban Quản trị Trung ương gồm: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ; Phó Hội chủ là Thượng tọa Trí Hải cùng Cư sĩ Lê Văn Định; Tổng Thư ký là Cư sĩ Tráng Đình và phó là Hòa thượng Định Trí; Ủy viên Hoàng pháp Kiểm duyệt giáo lý là Hòa thượng Trí Quang; Ủy viên nghi lễ là Thượng tọa Tố Liên; Ủy viên Giáo dục là Hòa thượng Thiện Hòa; Ủy viên Thanh niên là Cư sĩ Võ Đình

Cường...⁴². Ngoài ra, còn có các ủy viên về tài chính, văn mỹ nghệ, tổ chức, cứu tế xã hội, dự khuyết, kiểm lý ngân sách,....

Sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã tạo nên niềm vui khôn xiết đối với đông đảo tăng ni, Phật tử cũng như những người mến mộ Phật giáo trên khắp cả nước. Và trong bầu không khí hân hoan ấy, mỗi thành phần, mỗi tầng lớp đều khẽ bộc bạch những cảm xúc riêng của mình. Về phía Ban Quản trị Trung ương: “Sự thống nhất Phật giáo là một công cuộc vĩ đại chưa từng có trong lịch sử nước ta. Chúng ta đã có cơ duyên gây dựng nó thì chúng ta quyết sẽ hi sinh tất cả để thực hiện và bảo tồn cho kỳ được như chúng ta đã phát nguyện trước đức Bổn sư”⁴³. Với tăng già, thành phần giữ vai trò chủ đạo trong Phật giáo đã cho rằng cái tình cảnh lịch sử của Đại hội này ở chỗ nó làm cho sợi dây liên lạc giữa ba kỳ được ký kết bằng những đường tơ thiêng liêng bất diệt do bàn tay Tam Bảo xe thành. Chúng tôi tin sẽ có một tương lai như thế. Về phía cư sĩ, thống nhất Phật giáo là vì trong thời đại tôn giáo, chủ nghĩa, giai cấp và quyền tranh đấu toàn diện này, chỉ có Phật giáo là đạo diệt trừ những ranh giới chia rẽ, lấp bằng hố xung đột, luôn luôn chủ trương một đời sống hòa đồng trong bản thể từ bi vô tận. Với tăng ni, Phật tử thì việc thống nhất đã mở ra một kỷ nguyên mới cho Phật giáo đồ Việt Nam. Mỗi Phật tử đều thấy mình được mở rộng thêm kiến thức, giàu thêm bạn bè, mạnh thêm Phật lực, vui thêm trong việc tu hành. Giờ đây người Phật tử sẽ không còn cảm thấy hổ thẹn vì mình là một đoàn thể rời rạc, thiếu tổ chức giữa một thế giới với nhiều tiến bộ này. Phật tử không còn là những chiếc đũa rời rạc mà nó đã cố kết lại với nhau trong một bó, một gia đình và từ đó tạo nên sức mạnh để vun đắp cho nền Phật pháp mãi trường tồn. Về phía đoàn thanh niên Phật tử: “Ôi, sung sướng biết bao khi Phật giáo Việt Nam đã đoàn kết chặt chẽ rồi, chúng con được họp mặt cùng anh chị em Nam - Bắc trong những kỳ đại hội hay những cuộc cắm trại lớn lao ở Hương Tích hay Bút Tháp, mà tiếng hát Gia đình Phật tử sẽ chung hòa trong một nhịp hùng tráng, cũng như màu áo của chúng con đang mặc đây sẽ lan tràn trong thôn xóm xa xôi trên dải đất Việt Nam yêu mến”⁴⁴.

Kết luận

Từ việc tìm hiểu quá trình ra đời của các tổ chức Phật học trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam giai đoạn 1931-1951, bước đầu có thể rút ra một số nhận xét cơ bản như sau:

Thứ nhất, là nơi mở đầu cho phong trào chấn hưng của cả nước, phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Nam đã nhanh chóng đón nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của các thành phần trong và ngoài Phật giáo. Điều này được minh chứng qua việc thành lập nhiều mô hình tổ chức giáo hội với quy mô và mức độ khác nhau; qua sự tham gia của các giai cấp, tầng lớp như trí thức Tây học, Nho học, các nhà tư sản,... Sự hình thành đa dạng các mô hình tổ chức giáo hội một mặt cho thấy sự thiếu thống nhất trong chủ trương, đường lối cũng như cách thức vận hành của phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Bộ ở thời kỳ đầu. Nhưng mặt khác, nó lại phản ánh một đặc điểm rất cơ bản của tầng ni, Phật tử Việt Nam đương thời là luôn trăn trở trước sự tồn vong của đạo pháp và đằng sau đó là ý thức về việc bảo vệ và khôi phục các giá trị văn hóa Phật giáo đã có chiều dài gắn bó với lịch sử dân tộc. Quan trọng hơn, sự hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Nam là cơ sở để từ đây phong trào tiếp tục nhân rộng ra cả nước, tạo đà và lực thúc đẩy Phật tử Việt Nam thực hiện ý nguyện nhất thể hóa Phật giáo.

Thứ hai, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau như: xây dựng mô hình tổ chức giáo hội, giáo dục và đào tạo tăng ni sinh, chỉnh đốn hàng ngũ tăng già,... phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Nam đã tạo nên tiền đề cho sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1951. Đây chính là đỉnh cao và là sự kết thúc giai đoạn một của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trong thế kỷ 20. Mặc dù, sự thống nhất Phật giáo lần thứ nhất này còn có nhiều hạn chế, song nó đã thực sự tạo nên những nguồn sức mạnh vô cùng lớn lao cho cuộc đấu tranh bảo vệ sự vẹn toàn của đạo pháp sau này. Sau gần 20 thế kỷ du nhập và đồng hành cùng dân tộc, đây là lần đầu tiên Phật giáo ở trong cả nước có chung một mái ấm thực sự để cùng nhau thể hiện những khát vọng của mình. Điều quan trọng hơn là chính từ mái ấm này, đã tạo nên sức mạnh đoàn kết cho Phật giáo Việt Nam vượt qua pháp nạn năm 1963, cũng như có những đóng góp xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong các giai đoạn sau đó. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Do khuôn khổ của bài viết nên chúng tôi không đi sâu vào việc phân tích các nhân tố tác động đến sự hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam nói chung và Miền Nam nói riêng. Chúng tôi chỉ xin được lược kể một số nét khái quát về hiện tình Phật giáo Nam Bộ lúc này.
- 2 Khánh Vân (1937), “Phật giáo ở nước ta vì đâu phải chịu cái hiện trạng suy đồi?”, *Duy Tâm Phật học*, số 18: 304.
- 3 Thành Đạo (1932), “Cách hành động của Phật giáo nước ta tại sao không hiệp nhất”, *Từ Bi Âm*, số 6: 14.
- 4 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1: 44.
- 5 Thiện Quả (1936), “Luận về vấn đề chấn hưng Phật học ở nước ta”, *Duy tâm Phật học*, số 5: 285.
- 6 Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 64 - 69.
- 7 Trần Nguyên Chân (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”, *Từ Bi Âm*, số 1: 21.
- 8 Trần Nguyên Chân (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”, *Từ Bi Âm*, số 1: 20.
- 9 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều Lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1: 42.
- 10 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Điều Lệ và Quy tắc”, Tlđd: 36.
- 11 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1933), “Sửa đổi điều lệ”, *Từ Bi Âm*, số 30: 45.
- 12 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), “Mục đích của Từ Bi Âm”, *Từ Bi Âm*, số 1: 6.
- 13 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 32: 340.
- 14 “Le Gouverneur général de l'Indochine commandeur de la légion d'Honneur”, (1936), *Bồ Đề Tạp chí*, số 2: 1.
- 15 Hội Phật giáo Tương Tế (1936), “Đôi lời kỉnh cáo”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2: 2.
- 16 Hội Phật giáo Tương Tế (1936), “Đôi lời kỉnh cáo”, Tlđd: 2.
- 17 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời biểu lộ”, *Duy Tâm Phật học*, số 1: 14.
- 18 *Duy Tâm Phật học* (1935), số 1: trang phụ bìa.
- 19 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Điều lệ và Quy Tắc”, *Duy Tâm Phật học*, số 2: 96 - 108.
- 20 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời thanh minh”, *Duy Tâm Phật học*, số 1: trang phụ bìa.
- 21 Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Biện minh chí hướng Duy Tâm Phật học”, *Duy Tâm Phật học*, số 1: 4 - 5.
- 22 Hội Thiên Thai thiền Giáo tông Liên hữu (1941), “Điều lệ Hội Phật giáo”, *Bát Nhã Âm*, số 21: 29.
- 23 “Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được phép thành lập nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên” (1933), *Từ Bi Âm*, số 25: 42 - 43.
- 24 Hội Phật học Cao Miên (1938), “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành Tạp chí Ánh sáng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4: 143.
- 25 Hội Phật học Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1: 7 - 8.

- 26 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 16.
- 27 Xem thêm *Tiếng Chuông sớm*, số 22, 1935: 9.
- 28 Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn (1936), “Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên hữu Hội gửi bài cải chính”, *Tiếng Chuông sớm*, số 16: 45.
- 29 Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn (1936), “Tin tức Tôn giáo”, *Tiếng Chuông sớm*, số 15: 46.
- 30 Pascal Bourdeaux (2005), *Croyances populaires et rétorsion coloniale dans le delta du Mékong Commentaires sur la découverte d'une secte religieuse au village Hoa Hao*, mars - mai 1940, In: *Aséanie*, No. 16: 124.
- 31 Hội Phật học Kiêm Tế (1937), *Điều lệ*, chùa Tam Bảo, Rạch Giá: 10.
- 32 Nguyễn Thị Thảo (2014), “Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo trước năm 1945”, *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học KHXH&NV, Tp. HCM: 45.
- 33 Nguyễn Văn Khỏe (1951), “Bản Tuyên cáo của Hội Phật học Nam Việt”, *Phương Tiện Bán nguyệt san*, số 31: 14.
- 34 Hội Phật học Nam Việt (1951), “Diễn văn khai mạc buổi nhóm Đại hội đồng khánh thành Hội Phật học Nam Việt”, *Từ Quang Phật học*, số 1: 15.
- 35 Thích Quảng Minh (1952), “Tiểu sử sư cụ Lê Khánh Hòa”, *Từ Quang Phật học*, số 14: 42 - 43.
- 36 *Mục đích và Hệ thống tổ chức Giáo hội Tăng già Nam Việt*, bản thảo đánh máy 1952, lưu tại chùa Huệ Quang, Sài Gòn: 1-2.
- 37 Phật giáo Nam Việt (1955), *Điều lệ Giáo hội Tăng già Nam Việt*, nhà in Sen Vàng, Sài Gòn: 6.
- 38 Nguyễn Đại Đồng (2008), “Nhìn lại tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 17.
- 39 Thích Trí Quang (1950), “Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 99: 3.
- 40 Nguyễn Đại Đồng (2008), “Nhìn lại tiến trình thống nhất...”, Tlđđ: 18.
- 41 Hội Việt Nam Phật học (1951), “Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 104: 3.
- 42 Hội Việt Nam Phật học (1951), “Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam”, Tlđđ: 5 - 6.
- 43 Hội Việt Nam Phật học (1952), “Những tâm sự thống nhất Phật giáo vang dội từ cuộc Hội nghị Thống nhất Phật giáo”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 113: 10.
- 44 Hội Việt Nam Phật học (1952), “Những tâm sự thống nhất Phật giáo...”, Tlđđ: 10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Nguyên Chấn (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”, *Từ Bi Âm*, số 1.
2. *Duy Tâm Phật học*, số 1, 1935, trang phụ bìa.
3. Thành Đạo (1932), “Cách hành động của Phật giáo nước ta tại sao không hiệp nhất”, *Từ Bi Âm*, số 6.
4. Nguyễn Đại Đồng (2008), “Nhìn lại tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
5. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Biện minh chí hướng Duy Tâm Phật học”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.

6. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Điều lệ và Quy Tắc”, *Duy Tâm Phật học*, số 2.
7. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời biểu lộ”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
8. Hội Lương Xuyên Phật học (1935), “Đôi lời thanh minh”, *Duy Tâm Phật học*, số 1.
9. Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 32.
10. Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học (1932), “Điều Lệ và Quy tắc”, *Từ Bi Âm*, số 1.
11. Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học (1932), “Mục đích của Từ Bi Âm”, *Từ Bi Âm*, số 1.
12. “Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học được phép thành lập nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên”, *Từ Bi Âm*, số 25, 1933.
13. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1933), “Sửa đổi điều lệ”, *Từ Bi Âm*, số 30.
14. Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn (1936), “Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu Hội gửi bài cải chính”, *Tiếng Chuông sớm*, số 16.
15. Hội Phật giáo Bắc Kỳ Cổ sơn môn (1936), “Tin tức Tôn giáo”, *Tiếng Chuông sớm*, số 15.
16. Hội Phật giáo Tương Tế (1936), “Đôi lời kính cáo”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2.
17. Hội Phật học Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1.
18. Hội Phật học Cao Miên (1938), “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành Tạp chí Ánh sáng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4.
19. Hội Phật học Cao Miên (1938), “Chấn hưng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4.
20. Hội Phật học Nam Việt (1951), “Diễn văn khai mạc buổi nhóm Đại hội đồng khánh thành Hội”, *Từ Quang Phật học*, số 1.
21. Hội Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu (1941), “Điều lệ Hội Phật giáo”, *Bát Nhã Âm*, số 21.
22. Hội Việt Nam Phật học (1951), “Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 104.
23. Hội Việt Nam Phật học (1952), “Lời kêu gọi thống nhất Phật giáo”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 113.
24. Hội Việt Nam Phật học (1952), “Những tâm sự thống nhất Phật giáo vang dội từ cuộc hội nghị thống nhất Phật giáo”, *Nguyệt san Viên Âm*, số 113.
25. Hội Phật học Kiêm Tế (1937), *Điều lệ*, chùa Tam Bảo, Rạch Giá.
26. Nguyễn Văn Khỏe (1951), “Bản Tuyên cáo của Hội Phật học Nam Việt”, *Phương Tiện Bản nguyệt san*, số 31.
27. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
28. “Le Gouverneur général de l'Indochine commandeur de la légion d'Honneur”, *Bồ Đề Tạp chí*, số 2, 1936.
29. Thích Quảng Minh (1952), “Tiểu sử sự cụ Lê Khánh Hòa”, *Từ Quang Phật học*, số 14.
30. *Mục đích và Hệ thống tổ chức giáo hội Tăng già Nam Việt*, bản thảo đánh máy 1952, lưu tại chùa Huệ Quang, Sài Gòn.
31. Pascal Bourdeaux (2005), *Croyances populaires et rétorsion coloniale dans le delta du Mékong Commentaires sur la découverte d'une secte religieuse au village Hoa Hao*, mars - mai 1940, In: *Aséanie*, No. 16.

32. Phật giáo Nam Việt (1955), *Điều lệ Giáo hội Tăng già Nam Việt*, nhà in Sen Vàng, Sài Gòn.
33. Thiện Quả (1936), “Luận về vấn đề chấn hưng Phật học ở nước ta”, *Duy Tâm Phật học*, số 5.
34. Thích Trí Quang (1950), “Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc” *Nguyệt san Viên Âm*, số 99.
35. Nguyễn Thị Thảo (2014), “Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo trước năm 1945”, *Luận án Tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học KHXH&NV, Tp. HCM.
36. Thiện Trí (1932), “Tại sao Phật giáo nước ta suy đồi?”, *Từ Bi Âm*, số 12.
37. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
38. Khánh Vân (1937), “Phật giáo ở nước ta vì đâu phải chịu cái hiện trạng suy đồi?”, *Duy Tâm Phật học*, số 18.

Abstract

THE FORMATION OF BUDDHOLOGY ORGANIZATIONS DURING THE BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN THE SOUTH OF VIETNAM (1931-1951)

As the starting place for the Buddhist Revival Movement throughout the country, the Buddhist Revival Movement in the South of Vietnam had the similarities with the one in the North and in the Centre but it also had specific features. In particular, the diverse formation of the Buddhology organizations during the revival movement is considered as one of the most specific characteristics of Buddhism in the South in this period. Based on the different documentary resources, the paper presents and analyzes the formation of the Buddhology organizations in the South of Vietnam during the Revival Movement (1931-1951). Thereby, the study contributes more important documents to research on the Buddhist Revival Movement in Vietnam in the first half of the 20th century.

Keywords: Revive, organization, Buddhism, Vietnam.